

Đề Cương Ôn Tập Môn Toán 6 Học Kỳ 2 Năm (2016-2017)

A. Số học

1. Quy tắc chuyển vế:

Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức, ta phải đổi dấu số hạng đó.

Bài tập mẫu 1:

Tìm $x \in Z$, biết:

a) $x - 16 = 15$

b) $2x + 35 = 5$

c) $7 - x = 10 - (-5)$

2. Nhân hai số nguyên:

a. Nhân hai số nguyên cùng dấu: Ta nhân hai giá trị tuyệt đối của chúng.

$a.b = |a|.|b|$ (a, b cùng dấu)

b. Nhân hai số nguyên khác dấu: Ta nhân hai giá trị tuyệt đối của chúng và viết dấu trừ trước kết quả.

$a.b = -(|a|.|b|)$ (a, b khác dấu)

Bài tập mẫu 2:

Hoàn thành quy tắc dấu sau:

$(+).(+) \rightarrow (\dots)$

$(+).(-) \rightarrow (\dots)$

$(-).(-) \rightarrow (\dots)$

$(-).(+) \rightarrow (\dots)$

Bài tập mẫu 3:

Thực hiện phép tính:

a) $(+35).(5)$

b) $(-25).(-4)$

c) $(-8).(125)$

d) $5.(-6000)$

3. Tính chất phép nhân.

- Giao hoán: $a.b = b.a$

- Kết hợp: $(a.b).c = a.(b.c)$

- Nhân với 1: $1.a = a.1 = a$

- Phân phối của phép nhân đối với phép cộng: $a.(b + c) = a.b + a.c$

Bài tập mẫu 4:

Tính nhanh

a) $(-4).6.(-125).8.(-25)$

b) $2008(1+246) - 246.2008$

c) $9.35 - 25.9 - 3.3.10$

4. Bội và ước của một số nguyên.

P = a.b

P là bội của a; của b.

a ; b là những ước của P.

Bài tập mẫu 5 :

a) Tìm 5 bội của -4.

b) Cho $A = \{-4 ; 3\}$ $B = \{5 ; 6 ; -3\}$ Có bao nhiêu tích a.b tạo thành , biết $a \in A,$

$b \in B$? Tính các tích lập được.

5. Phân số bằng nhau

$$\frac{a}{b} = \frac{c}{d} \Leftrightarrow a.d = b.c$$

Bài tập mẫu 6:

a) Tìm các cặp phân số bằng nhau trong các cặp phân số sau:

$$\frac{1}{4} \text{ và } \frac{3}{12} ; \quad \frac{6}{8} \text{ và } \frac{2}{3} ; \quad \frac{-3}{5} \text{ và } \frac{9}{-15} ; \quad \frac{4}{3} \text{ và } \frac{-12}{9}$$

b) Tìm x biết: $\frac{x}{4} = \frac{-5}{20}$

6. Tính chất cơ bản của phân số ; rút gọn phân số:

a) $\frac{a}{b} = \frac{a.m}{b.m}$

b) $\frac{a}{b} = \frac{a:n}{b:n}$

Bài tập mẫu 7:

Rút gọn các phân số sau:

a) $\frac{22}{55}$ b) $\frac{20}{-140}$ c) $\frac{-125}{-1000}$ d) $\frac{2.14}{7.8}$ e) $\frac{11.4-11}{2-13}$

7. Quy đồng mẫu nhiều phân số:

Bước 1: Tìm mẫu chung, chính là BCNN của các mẫu.

Bước 2: Tìm thừa số phụ, bằng cách chia MC cho từng mẫu.

Bước 3: Nhân tử và mẫu với TSP tương ứng.

Bài tập mẫu 8:

Hãy quy đồng mẫu những phân số sau

a) $\frac{3}{8}$ và $\frac{4}{6}$ b) $\frac{1}{15}$ và -1 c) $\frac{3}{-20}$; $\frac{-11}{-30}$ và $\frac{7}{15}$ d) $\frac{2000}{25000}$ và $\frac{4}{-50}$

8. So sánh phân số:

a) Nếu cùng mẫu: Ta so sánh tử số với nhau, phân số có tử số lớn hơn thì phân số ấy lớn hơn.

b) Nếu khác mẫu: Ta đưa về cùng mẫu (quy đồng mẫu) sau đó so sánh tử.

Bài tập mẫu 9:

So sánh các cặp phân số sau.

a) $\frac{1}{15}$ và $\frac{-15}{2}$ b) $\frac{3}{4}$ và $\frac{4}{3}$ c) $\frac{8}{9}$ và $\frac{10}{11}$

9. Cộng, trừ, nhân, chia phân số.

Bài tập mẫu 10:

Thực hiện phép tính.

a) $\frac{7}{-25} + \frac{-8}{25}$ b) $\frac{1}{3} + \frac{3}{8} - \frac{7}{12}$ c) $\frac{6}{7} - \frac{5}{49} + 1$ d) $11\frac{3}{13} - \left(2\frac{4}{7} + 5\frac{3}{13}\right)$

Bài tập mẫu 11:

Tìm x biết:

a) $\frac{4}{5} \cdot x = \frac{4}{7}$ b) $x : \frac{8}{11} = \frac{11}{3}$ c) $\frac{4}{5} + \frac{5}{7} : x = \frac{1}{6}$ d) $\frac{2}{9} - \frac{7}{8} \cdot x = \frac{1}{3}$

10. Hỗn số, số thập phân, phần trăm.

*Hỗn số là số có dạng: $a\frac{b}{c}$ ($c \neq 0 ; b < c$)

* Phân số thập phân là phân số mà **mẫu** là *lũy thừa của 10*.

Bài tập mẫu 12:

1) Đổi các phân số sau sang hỗn số

a) $\frac{10}{3}$ b) $\frac{7}{5}$ c) $\frac{99}{100}$ d) $\frac{-2008}{2007}$

2) Thực hiện phép tính:

$A = 8\frac{2}{7} - \left(3\frac{4}{9} + 4\frac{2}{7}\right)$ $B = \left(10\frac{2}{9} + 2\frac{3}{5}\right) - 6\frac{2}{9}$

11. Tìm giá trị phân số của một số cho trước và ngược lại.

*Muốn tìm $\frac{m}{n}$ của số b cho trước , ta tính: b. $\frac{m}{n}$

* Muốn tìm một số biết $\frac{m}{n}$ của số đó là a , ta tính: a: $\frac{m}{n}$

Bài tập mẫu 13:

- a) Tìm $\frac{2}{5}$ của 35. b)Tìm một số biết $\frac{2}{3}$ là 7,2.
 c)Tìm 84 % của 25.
 d) Tìm giá của quyển sách hiện tại, biết ban đầu có giá là 3000đ , được người bán giảm 10% số tiền ban đầu.
 e) Tính tuổi của Minh biết 5 năm cách đây $\frac{1}{3}$ tuổi của Minh là 3 tuổi.

12. Tỉ số của hai số, tỉ số phần trăm:

* *Tỉ số của hai số a và b* là $\frac{a}{b}$ hoặc a:b. Trong đó a,b có thể là số nguyên , có thể là số thập phân.

* *Tỉ số phần trăm của hai số a và b* là: $\frac{a \cdot 100}{b} \%$

Bài tập mẫu 14:

- a) Tìm tỉ số của $\frac{2}{3}$ m và 75 cm.
 b) Tìm tỉ số phần trăm của 5 và 25.

Bài tập

1 Tính giá trị biểu thức:

$$A = \frac{-3}{5} + \left(\frac{-2}{5} + 2 \right)$$

$$B = \frac{3}{7} + \left(\frac{-1}{5} + \frac{-3}{7} \right)$$

$$C = \left(6 - 2\frac{4}{5} \right) \cdot 3\frac{1}{8} - 1\frac{3}{5} : \frac{1}{4}$$

$$D = \left(\frac{-5}{24} + 0,75 + \frac{7}{12} \right) : \left(-2\frac{1}{8} \right)$$

$$E = \frac{-5}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{9}{11} + 1\frac{5}{7}$$

$$F = \frac{6}{7} + \frac{5}{8} : 5 - \frac{3}{16} \cdot (-2)^2$$

2 Thực hiện phép tính:

1. $\frac{7}{-25} + \frac{-18}{25} + \frac{4}{23} + \frac{5}{7} + \frac{19}{23}$

2. $\frac{-2}{17} + \frac{15}{19} + \frac{-15}{17} + \frac{15}{23} + \frac{4}{19}$

3. $\frac{-5}{11} + \left(\frac{-6}{11} + 1 \right)$

4. $1,4 \cdot \frac{15}{49} - \left(\frac{4}{5} + \frac{2}{3} \right) : 2\frac{1}{5}$

5. $\frac{7}{19} \cdot \frac{8}{11} + \frac{7}{19} \cdot \frac{3}{11} + \frac{12}{19}$

6. $\frac{4}{7} : \left(\frac{2}{5} \cdot \frac{4}{7} \right)$

7. $8\frac{2}{7} - \left(3\frac{4}{9} + 4\frac{2}{7} \right)$

8. $0,72 \cdot \frac{2}{3} \cdot 20.0375 \cdot \frac{5}{28}$

9. $(-3,2) \cdot \frac{-15}{64} + \left(0,8 - 2\frac{4}{15} \right) : 3\frac{2}{3}$

10. $1\frac{13}{15} \cdot (0,5)^2 \cdot 3 + \left(\frac{8}{15} - 1\frac{19}{60} \right) : 1\frac{23}{24}$

3 Tìm x:

1. $5\frac{4}{7} : x = 13$

2. $\frac{2}{3}x - \frac{1}{2}x = \frac{5}{2}$

3. $x : 3\frac{1}{15} = 1\frac{1}{12}$

4. $\left(3\frac{1}{2} + 2x \right) \cdot 2\frac{2}{3} = 5\frac{1}{3}$

5. $\frac{3}{4} \cdot x = 27$

6. $(2,8x - 32) : \frac{2}{3} = -90$

7. $x : \frac{8}{11} = \frac{11}{3}$

4. Bài toán có lời giải:

1. Hoa làm một số bài toán trong ba ngày. Ngày đầu bạn làm được $\frac{1}{3}$ số bài.

Ngày thứ hai bạn làm được $\frac{3}{7}$ số bài còn lại. Ngày thứ ba bạn làm nốt 5 bài. Trong ba ngày bạn Hoa làm được bao nhiêu bài?

2. Một lớp có 45 học sinh. Khi giáo viên trả bài kiểm tra, số bài đạt điểm giỏi bằng $\frac{1}{3}$ tổng số bài. Số bài đạt điểm khá bằng $\frac{9}{10}$ số bài còn lại. Tính số bạn đạt điểm trung bình. (Giả sử không có bài điểm yếu và kém).

3. Ba lớp 6 của trường THPT Đa Tông có 120 học sinh. Số học sinh lớp 6A chiếm 35% so với học sinh của khối. Số học sinh lớp 6B bằng $\frac{20}{21}$ số học sinh lớp 6A. Còn lại là học sinh lớp 6C. Tính số học sinh mỗi lớp?

4. Lớp 6B có 48 học sinh. Số học sinh giỏi bằng $\frac{1}{6}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh trung bình bằng 300% số học sinh giỏi, còn lại là học sinh khá.

- a. Tính số học sinh mỗi loại.
- b. Tính tỉ số % học sinh mỗi loại.

5. Khoảng cách giữa hai thành phố là 85 km. Trên bản đồ khoảng cách đó dài 17cm. Hỏi: nếu khoảng cách giữa hai điểm A và B trên bản đồ là 12cm thì khoảng cách thực tế của AB là bao nhiêu km?

6. Một lớp có 40 học sinh gồm 3 loại: giỏi, khá, trung bình. Số học sinh giỏi chiếm $\frac{1}{5}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh trung bình bằng $\frac{3}{8}$ số học sinh còn lại.

- a. Tính số học sinh mỗi loại.
- b. Tính tỉ số % học sinh mỗi loại.

7. Khối 6 có 200 em. Lớp 6A chiếm 40% tổng số học sinh toàn khối, lớp 6B có số học sinh bằng 81,25% học sinh lớp 6A. Tính số học sinh lớp 6C?

8. Chu vi hình chữ nhật là 52,5 m. Biết chiều dài bằng 150% chiều rộng. Tính diện tích hình chữ nhật.

9. Một lớp có 45 học sinh. Số học sinh trung bình bằng $\frac{7}{15}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng $\frac{5}{8}$ số học sinh còn lại. Tính số học sinh giỏi?

10. An đọc sách trong 3 ngày. Ngày thứ nhất đọc $\frac{1}{3}$ số trang, ngày thứ hai đọc $\frac{5}{8}$ số trang còn lại, ngày thứ ba đọc nốt 90 trang. Tính số trang của cuốn sách

DÃY SỐ NÂNG CAO

BÀI 1. Chứng minh các phân số sau là các phân số tối giản:

$$\text{a) } A = \frac{12n + 1}{30n + 2} \quad \text{b) } B = \frac{14n + 17}{21n + 25}$$

BÀI 2. Tìm x nguyên để các biểu thức sau đạt giá trị nhỏ nhất:

$$\text{a) } A = (x-1)^2 + 2008 \quad \text{b) } B = |x+4| + 1996 \quad \text{c) } C = \frac{5}{x-2} \quad \text{d) } D = \frac{x+5}{x-4}$$

BÀI 3. Tìm x nguyên để các biểu thức sau đạt giá trị lớn nhất

$$\text{a) } P = 2010 - (x+1)^{2008} \quad \text{b) } Q = 1010 - |3-x| \quad \text{c) } C = \frac{5}{(x-3)^2 + 1} \quad \text{d) }$$

$$D = \frac{4}{|x-2| + 2}$$

BÀI 4. Chứng minh rằng:

$$\text{a) } A = 1 + \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{100^2} < 2 \quad \text{b) } B = 1 + \frac{1}{2} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{63} < 6$$

$$\text{c) } C = \frac{1}{2} \cdot \frac{3}{4} \cdot \frac{5}{6} \cdot \dots \cdot \frac{9999}{10000} < \frac{1}{100}$$

$$\text{BÀI 5. Tính tổng } S = \frac{1 + 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{2008}}{1 - 2^{2009}}$$

$$\text{BÀI 6. Chứng tỏ hiệu sau là một số nguyên: } \frac{100^{2008} + 2}{3} - \frac{100^{2009} + 17}{9}$$

$$\text{BÀI 7. Cho biểu thức: } B = \frac{-7}{n-2}. \text{ Xác định giá trị của n để B là phân số?}$$

$$\text{BÀI 8. So sánh } \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \dots + \frac{1}{49.50} \text{ và } 1$$

$$\text{BÀI 9. Cho biểu thức } A = \frac{1}{2} + \frac{1}{2^2} + \frac{1}{2^3} + \frac{1}{2^4} + \dots + \frac{1}{2^{100}}.$$

$$\text{Chứng tỏ: } 0 < A < 1$$

$$\text{BÀI 10. Cho biểu thức: } A = \frac{1}{21} + \frac{1}{22} + \frac{1}{23} + \frac{1}{24} + \dots + \frac{1}{40}$$

$$\text{Chứng tỏ: } \frac{1}{2} < A < 1$$

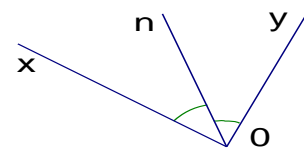
$$\text{BÀI 11. Chứng tỏ rằng: } \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{49.50} < 1$$

Ví dụ : **hình 2:** góc xOy và góc yOz là hai góc kề bù

Hình 2

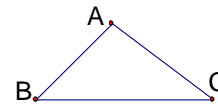
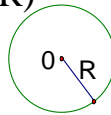
6. Tia phân giác của một góc: Là tia nằm giữa hai cạnh của góc và tạo với hai cạnh ấy hai góc bằng nhau.

Ví dụ: Tia On là tia phân giác góc xOy . (hình bên)



7. Đường tròn: Đường tròn tâm O bán kính R là hình gồm tất cả các điểm cách O một khoảng là R . Kí Hiệu: $(O; R)$

8. Tam giác: Tam giác ABC là hình Gồm ba đoạn thẳng $AB;BC;CA$ khi Ba điểm A, B, C không thẳng hàng.



* BÀI TẬP:

BÀI 1.

Trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox , vẽ hai tia Oz và Oy sao cho $xOz = 75^\circ$, $xOy = 150^\circ$.

- Hỏi tia nào nằm giữa hai tia còn lại ? Vì sao?
- Tính zOy . So sánh xOz với zOy .
- Tia Oz có phải là tia phân giác của xOy không? Vì sao?

BÀI 2.

Cho $AOB = 140^\circ$. Vẽ tia phân giác OC của góc đó, vẽ tia OD là tia đối của tia OA .

a) Tính DOC

b) Vẽ tia OE nằm trong AOB sao cho $AOE = \frac{5}{7}AOB$ Chứng tỏ OE là tia phân giác của DOE

DOE

BÀI 3.

Cho tam giác ABC có $BAC = 90^\circ$ lấy điểm M thuộc cạnh BC sao cho $MAC = 20^\circ$

a) Tính MAB

b) Trong góc MAB vẽ tia Ax cắt BC tại N sao cho $NAB = 50^\circ$. Trong ba điểm N, M, C điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại ?

c) Chứng tỏ AM là tia phân giác của góc NAC .

BÀI 4.

Cho $xOy = 90^\circ$. Vẽ tia Ot sao cho $xOt = 45^\circ$. Tính số đo góc yOt ?

BÀI 5.

Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox , vẽ hai tia Ot và Oy sao cho $xOt = 35^\circ$, $xOy = 70^\circ$.

-
- a) Tính góc tOy
 - b) Tia Ot có phải là tia phân giác của góc xOy không? Vì sao?
 - c) Gọi Ot' là tia đối của tia Ot . Tính số đo của góc $t'Oy$

BÀI 6.

Trên nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox vẽ hai tia Oy, Oz sao cho $xOy = 100^\circ; xOz = 20^\circ$

- a. Trong ba tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- b. Vẽ Om là tia phân giác của yOz . Tính xOm

BÀI 7.

Cho góc bẹt xOy . Vẽ tia Oz sao cho $yOz = 60^\circ$.

- a. Tính số đo góc zOx ?
- b. Vẽ tia Om, On lần lượt là tia phân giác của xOz và zOy . Hỏi hai góc zOm và góc zOn có phụ nhau không? Giải thích?

BÀI 8.

Trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox vẽ hai tia Ot và Oy sao cho $xOt = 30^\circ, xOy = 60^\circ$.

- a. Tia nào nằm giữa hai tia còn lại?
- b. Tính góc tOy ? So sánh xOt và tOy ?
- c. Tia Ot có phải là tia phân giác của góc xOy hay không? Giải thích?

BÀI 9.

Cho góc bẹt xOy , vẽ tia Ot sao cho $yOt = 60^\circ$.

- a. Tính số đo góc xOt ?
- b. Vẽ phân giác Om của yOt và phân giác On của tOx . Hỏi góc mOt và góc tOn có kề nhau không? Có phụ nhau không? Giải thích?

BÀI 10.

Vẽ tam giác ABC biết $AB = 3\text{cm}, AC = 5\text{cm}, BC = 6\text{cm}$.

BÀI 11.

Vẽ góc xOy . Vẽ tia Oz nằm giữa hai tia Ox, Oy . Làm thế nào chỉ đo hai lần mà biết được số đo của cả ba góc xOy, xOz, zOy không? Có mấy cách?

BÀI 12.

Cho góc bẹt xOy . Vẽ tia Oz sao cho góc $xOz = 70^\circ$.

- a) Tính góc zOy
- b) Trên nửa mặt phẳng bờ Ox chứa Oz vẽ tia Ot sao cho $xOt = 140^\circ$. Chứng tỏ tia Oz là tia phân giác của góc xOt
- c) Vẽ tia Om là tia đối của tia Oz . Tính góc yOm .

BÀI 13

Cho hai tia Oz, Oy cùng nằm trên nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, biết góc $\angle xOy=50^\circ$, góc $\angle xOz=130^\circ$.

- Trong ba tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- Tính góc $\angle yOz$.
- Vẽ tia Oz' là tia đối của tia Oz. Tia Ox có phải là tia phân giác của góc $\angle yOz'$ không? Vì sao?

BÀI 14.

Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, vẽ hai tia Oy và Ot sao cho góc $\angle xOy = 60^\circ$ và góc $\angle xOt = 120^\circ$.

- Hỏi tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- Tính góc $\angle yOt$.
- Chứng tỏ tia Oy là tia phân giác của góc $\angle xOt$.

BÀI 15.

Cho hai tia Oy, Oz cùng nằm trên nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox, biết góc $\angle xOy=40^\circ$, góc $\angle xOz=150^\circ$.

- Trong ba tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- Tính số đo góc $\angle yOz$?
- Vẽ tia phân giác Om của góc $\angle xOy$, vẽ tia phân giác On của góc $\angle yOz$. Tính số đo góc $\angle mOn$

BÀI 16.

Cho hai tia Oz, Oy cùng nằm trên nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox, biết góc $\angle xOy=50^\circ$, góc $\angle xOz=130^\circ$.

- Trong ba tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?
- Tính góc $\angle yOz$.
- Vẽ tia Oa là tia đối của tia Oz. Tia Ox có phải là tia phân giác của góc $\angle yOa$ không? Vì sao?

BÀI 17.

Cho góc $\angle xOy = 60^\circ$. Vẽ tia Oz là tia đối của tia Ox. Vẽ tia Om là tia phân giác của góc $\angle xOy$, On là tia phân giác của góc $\angle yOz$.

- Tính góc $\angle xOm$
- Tính góc $\angle mOn$

BÀI 18.

Cho góc bẹt $\angle xOy$. Một tia Oz thỏa mãn $\angle zOy = \frac{2}{3} \angle zOx$. Gọi Om, On lần lượt là tia phân giác của $\angle zOx$.

- Tính $\angle zOx$, $\angle zOy$
- $\angle zOm$, $\angle zOn$ có là hai góc phụ nhau không? Vì sao?

BÀI 19.

Vẽ tam giác ABC biết:

a) $AB = 3\text{cm}$; $BC = 5\text{cm}$; $AC = 4\text{cm}$. Đo và cho biết số đo của góc A

b) $AB = 6\text{cm}$; $BC = 7\text{cm}$; $AC = 8\text{cm}$.

BÀI 20.

Cho $\angle xOy = 120^\circ$. Vẽ tia Oz nằm giữa hai tia Oy sao cho $\angle xOz = 24^\circ$. Gọi Ot là tia phân giác của góc $\angle yOz$. Tính góc $\angle xOt$.

BÀI 21.

Trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox, vẽ 2 tia Ot, Oy sao cho $\angle xOt = 75^\circ$, $\angle xOy = 150^\circ$.

a) Tia Ot có nằm giữa 2 tia Ox và Oy không ? Vì sao ?

b) So sánh góc $\angle tOx$ và $\angle tOy$

c) Tia Ot có phải là tia phân giác của góc $\angle xOy$ không ? Vì sao ?

BÀI 22.

Cho hai tia Oy, Oz cùng nằm trên một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox.

Biết $\angle xOy = 30^\circ$, $\angle xOz = 120^\circ$

a. Tính số đo góc $\angle yOz$

b. Vẽ tia phân giác Om của góc $\angle xOy$, tia phân giác On của góc $\angle xOz$. Tính số đo góc $\angle mOn$

BÀI 23.

Cho biết góc $\angle xOy = 130^\circ$, tia Oz nằm trong góc $\angle xOy$ và hợp với tia Oy một góc 70° . Gọi Ot là tia phân giác của góc $\angle xOy$. Tính số đo góc $\angle tOz$

BÀI 24

Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox vẽ hai tia Oy, Oz sao cho góc $\angle xOy = 100^\circ$; góc $\angle xOz = 20^\circ$.

a) Trong ba tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?

b) Vẽ Ot là tia phân giác của góc $\angle yOz$. Tính góc $\angle xOt$.

BÀI 25

Cho hai góc $\angle mOn$ và $\angle tOn$ phụ nhau, biết $\angle tOn = 60^\circ$.

1. Tính số đo $\angle mOn$.

2. Trên nửa mặt phẳng bờ Om không chứa tia On vẽ tia Ox sao cho $\angle mOx = 30^\circ$.

Tia On có phải là tia phân giác của $\angle xOt$ không ? Tại sao?

BÀI 26

Trên nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox vẽ hai tia Oy, Oz sao cho $\angle xOy = 50^\circ$, $\angle xOz = 100^\circ$

a. Tính số đo góc $\angle yOz$?

b. Oy có là tia phân giác của xOz không ? Vì sao ?

c. Gọi Om là tia đối của tia Ox. Tính số đo của góc yOm ?

BÀI 27:

Trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox vẽ hai tia Oy và Oz sao cho $xOy = 20^\circ$; $xOz = 80^\circ$. Gọi Om là tia phân giác của yOz tính xOm .

BÀI 28

Trên nửa mặt phẳng có bờ là tia Ox. Vẽ hai tia Oy và Oz sao cho $xOy = 110^\circ$, $xOz = 55^\circ$

a. Hỏi trong ba tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại.

b. Tính số đo yOz

c. Hỏi tia Oz có là tia phân giác của góc xOy Hay không .Giải thích.

BÀI 29

Cho biết $xOy = 130^\circ$, tia Oz hợp với tia Oy một góc 60° . Gọi Ot là tia phân giác của xOy . Tính số đo tOz

BÀI 30

Cho $xOy = 60^\circ$, gọi Oz là tia đối của tia Oy.

a) Tính số đo góc xOz .

b) Gọi Om là tia phân giác của góc xOz . Tia Ox có phải là tia phân giác của yOm ? Tại sao?

BÀI 31

Trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox vẽ 2 tia Ot và Oy sao cho góc xOt bằng 30° ; góc xOy bằng 60° .

a) Hỏi tia nào nằm giữa hai tia còn lại.

b) Tính góc tOy ?

BÀI 32

Cho góc $xOy = 50^\circ$, vẽ tia Oy' là tia đối của tia Oy.

a) Tính góc xOy' .

b) Vẽ các tia On, Om thứ tự là tia phân giác của góc xOy và góc xOy' .

Tính số đo của góc mOn .

BÀI 33

Cho $xOy = 60^\circ$; góc yOz kề bù với góc xOy .

a/ Tính góc yOz

b/ Gọi Ot, Ot' lần lượt là phân giác của góc xOy và góc yOz . Tính số đo của góc yOt' và góc tOt' .

BÀI 34

Cho hai góc kề bù xOy và yOx' biết $xOy = 140^\circ$. Gọi Ot là tia phân giác của xOy .

Tính $x'Ot$

